

Bản án số: 106/2022/HNGĐ - ST

Ngày 15 – 8 – 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Mua

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Kim Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:**  
Không tham gia.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/QĐST – DS ngày 26/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Anh T, sinh năm 1999 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 28/3/2022)

Nơi cư trú: Ấp A, xã ML, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thịnh K, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PSC, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị Anh T trình bày: Chị T và anh K cưới nhau năm 2017, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay.

Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị T không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị T và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Phúc Đ, sinh ngày 12/9/2018 hiện đang sống chung với chị T.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thịnh K; yêu cầu tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Phạm Phúc Đ, sinh ngày 12/9/2018, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Anh Nguyễn Thịnh K đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 28/3/2022; bị đơn là anh Nguyễn Thịnh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh K theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T, anh K sống chung với nhau trên sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37/2018 ngày 16/5/2018, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh K sống chung với nhau được hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân năm 2019 đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân chị T và anh K không quan tâm, liên lạc với nhau và không tự đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng không còn tình cảm với anh K và cương quyết yêu cầu ly hôn. Phía anh K không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị T và anh K có 01 con chung là Nguyễn Phạm Phúc Đ, sinh ngày 12/9/2018, hiện đang sống chung với chị T.

Xét thấy, trong thời gian chị T và anh K ly thân cháu Đ vẫn sống chung với chị T. Nhằm tránh làm xáo trộn sự phát triển về tâm sinh lý và thể chất của trẻ nên cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 0010347 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, chị T không phải nộp thêm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Anh T được ly hôn với anh Nguyễn Thịnh K.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Phạm Phúc Đ, sinh ngày 12/9/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N0010347 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo thời hạn 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thanh Thảo**